

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÀ ÔN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 110/2023/DS-ST

Ngày: 25/9/2023

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Luân

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Kim Đồng

Bà Nguyễn Thị Mến

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Ánh Nguyệt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Trúc Ly - Kiểm sát viên

Ngày 25 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 201/2023/TLST – DS ngày 24 tháng 5 năm 2023, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 88/2023/QĐXXST – DS ngày 07 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Đ**, sinh năm 1965. Địa chỉ: Số E, khu E, thị trấn T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

- Bị đơn:

1/ Bà **Lê Ngọc X**, sinh năm 1958 (xin vắng mặt).

2/ Ông **Hà Ngọc L**, sinh năm 1950 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Số D, khu F, thị trấn T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

****Theo đơn khởi kiện đề ngày 19/5/2022 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ trình bày và yêu cầu:*** Giữa tôi và ông Hà Ngọc L, bà Lê Ngọc

X là chỗ quen biết. Ngày 02/10/2021 ông L và bà X có vay của tôi số tiền 130.000.000đ, không có thỏa thuận lãi suất cụ thể, bà X có viết biên nhận và bà X có ký tên. Sau khi vay thì bà X và ông L có trả lãi nhiều lần với tổng số tiền là 13.160.000đ, sau đó thì bà X và ông L không tiếp tục trả lãi và cũng không trả tiền vốn vay cho tôi. Do cần vốn làm ăn nên tôi đã nhiều lần đến nhà bà X và ông L để yêu cầu trả tiền nhưng đến nay bà X và ông L vẫn không trả.

Nay tôi khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Lê Ngọc X và ông Hà Ngọc L liên đới trả cho tôi số tiền vốn vay là 130.000.000đ. Yêu cầu tính lãi 1%/tháng, tính từ ngày 02/10/2021 đến ngày 10/5/2023 là 18 tháng là 23.400.000đ. Tổng cộng vốn lãi là 153.400.000đ. Tôi đồng ý khấu trừ số tiền lãi đã nhận là 13.160.000đ nên số tiền bà X, ông L chỉ còn trả cho tôi là 140.240.000đ và yêu cầu tính lãi đến ngày xét xử sơ thẩm.

Đến ngày 22/9/2023 bà Đ có đơn khởi kiện bổ sung, bà Đ yêu cầu tính lãi từ 1%/tháng lên 1,66%/tháng.

**Bị đơn bà Lê Ngọc X trình bày:* Trước đây tôi có nhận được giấy triệu, thông báo thụ lý,... của Tòa án nhưng do tình trạng sức khỏe nên tôi không đến Tòa. Tôi thống nhất có vay của bà Đ số tiền 130.000.000đ như đơn khởi kiện của bà Đ. Nay theo yêu cầu khởi kiện của bà Đ thì tôi đồng ý trả cho bà Đ số tiền vốn là 130.000.000đ nhưng tôi xin được trả nhiều lần. Đối với phần lãi bà Đ yêu cầu thì tôi không đồng ý trả. Do tuổi cao nên hiện nay tôi không có khả năng trả một lần cho bà Đ, đồng thời tôi xin được trả dần, mỗi lần cách nhau 03 tháng, số tiền trả bao nhiêu thì không xác định được do phụ thuộc vào số tiền con cháu cho. Đây là khoản tiền vay của cá nhân tôi đối với bà Đ, không liên quan đến ông L. Mục đích tôi vay tiền của bà Đ là để cho người khác vay lại nhưng hiện nay họ không trả cho tôi nên tôi không có tiền trả cho bà Đ. Do sức khỏe kém nên tôi đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt tôi.

**Đối với bị đơn ông Hà Ngọc L:* Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng ông L không có văn bản trình bày ý kiến của ông đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Đ.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Thị Đ trình bày: Tôi giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về yêu cầu bà X có trách nhiệm trả tiền vốn vay cho tôi là 130.000.000đ và yêu cầu tính lãi 1%/tháng kể từ ngày 02/10/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm, làm tròn 23 tháng. Lãi suất thỏa thuận khi cho vay là 4%/tháng cho số tiền 30.000.000đ và 5% cho số tiền 100.000.000đ. Đối với yêu cầu khởi kiện về yêu cầu ông L có trách nhiệm liên đới cùng bà X trả nợ cho tôi thì tôi xin rút yêu cầu.

- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; nguyên đơn bà Đ, bị đơn bà X đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn ông L không chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Tại phiên tòa, bà Đ rút một phần yêu cầu khởi kiện về yêu cầu ông L liên đới với bà X trả nợ cho bà Đ nên đề nghị chấp nhận. Còn phần yêu cầu tính lãi từ 1%/tháng lên 1,66%/tháng là vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên không được chấp nhận.

Đối với yêu cầu khởi kiện còn lại của bà Đ về yêu cầu bà X có trách nhiệm trả tiền vốn vay là 130.000.000đ và tiền lãi 1%/tháng tính từ ngày 02/10/2021 đến phiên tòa sơ thẩm là 23 tháng và đồng ý khấu trừ số tiền lãi đã nhận 13.160.000đ là phù hợp với các quy định của pháp luật nên đề nghị chấp nhận. Về án phí, bà X là người cao tuổi và có yêu cầu miễn án phí nên đề nghị miễn án phí cho bà X.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp: Bà Nguyễn Thị Đ khởi kiện yêu cầu bà Lê Ngọc X và ông Hà Ngọc L trả số tiền vay; bị đơn bà X và ông L có nơi cư trú tại số D, khu F, thị trấn T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. Do đó, đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Ngày 22/9/2023 bà Nguyễn Thị Đ có đơn khởi kiện bổ sung, yêu cầu tính lãi từ 1%/tháng lên 1,66%/tháng. Xét thấy, yêu cầu khởi kiện bổ sung của bà Đ là vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên theo quy định tại khoản 1 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[1.3] Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị Đ rút một phần yêu cầu khởi kiện về yêu cầu ông Hà Ngọc L có trách nhiệm liên đới cùng bà Lê Ngọc X trả nợ cho bà Đ. Xét việc bà Đ rút một phần yêu cầu khởi kiện là tự nguyện nên theo quy định tại khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu đã rút của bà Đ.

[1.4] Bị đơn bà Lê Ngọc X có yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt; bị đơn ông Hà Ngọc L được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa xét xử vắng mặt bà X và ông L.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Đ. Hội đồng xét xử nhận thấy: Theo “Biên nhận” ngày 02/10/2021 (BL 40) do bà Đ giao nộp có nội dung “*mợ 8: Lê Ngọc X có mượn của Đ 130.000.000 (một trăm ba mươi triệu đồng chẵn); 30.000.000đ (1.200.000đ/tháng); 100.000.000đ (5.000.000đ/tháng)*”, có chữ ký và họ tên Lê Ngọc X. Bà X thừa nhận có vay của bà Đ số tiền 130.000.000đ. Cho nên bà Đ khởi kiện yêu cầu bà X trả cho bà Đ số tiền vay 130.000.000đ là có căn cứ.

Bà Đ thừa nhận lãi suất khi cho vay là 4%/tháng đối với 30.000.000đ và 5%/tháng đối với 100.000.000đ, lời thừa nhận của bà Đ là phù hợp với nội dung của “Biên nhận” ngày 02/10/2021 nên có cơ sở xác định lãi suất thỏa thuận giữa bà Đ và bà X là 4% đến 5%/tháng. Mặc dù lãi suất thỏa thuận giữa bà Đ và bà X là cao hơn mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 nhưng bà Đ chỉ yêu cầu tính lãi 1%/tháng và thời gian tính lãi từ ngày 02/10/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm 25/9/2023 là trên 23 tháng nhưng bà Đ chỉ yêu cầu 23 tháng là có lợi cho bà X nên được chấp nhận. Cho nên số tiền lãi bà X phải trả cho bà Đ là $130.000.000đ \times 1\%/tháng \times 23\text{ tháng}$ là 29.900.000đ.

Như vậy, tổng vốn và lãi bà X có nghĩa vụ trả cho bà Đ là 159.900.000đ. Do bà Đ thừa nhận có nhận 13.160.000đ tiền lãi của bà X và đồng ý khấu trừ vào số tiền nợ của bà X nên số tiền còn lại bà X có trách nhiệm trả cho bà Đ là 146.740.000đ.

Tại phiên tòa các đương sự không giao nộp thêm tài liệu, chứng cứ nào mới.

Từ nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Đ. Buộc bà Lê Ngọc X có trách nhiệm trả cho bà Đ số tiền vốn vay và tiền lãi tổng cộng là 146.740.000đ.

Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là phù hợp với nhận định trên nên được chấp nhận.

[2.2] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Ngọc X phải nộp án phí có giá ngạch đối với số tiền phải trả cho bà Đ là 7.337.000đ ($5\% \times 146.740.000đ$). Bà Lê Ngọc X là người cao tuổi và có yêu cầu miễn án phí nên miễn án phí cho bà X. Bà Nguyễn Thị Đ không phải nộp tiền án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 244, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26, điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016

của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Đ.

Buộc bà Lê Ngọc X có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị Đ số tiền vốn, lãi là 146.740.000đ (một trăm bốn mươi sáu triệu bảy trăm bốn chục ngàn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm cho bà Lê Ngọc X.

2.2. Bà Nguyễn Thị Đ không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp tổng cộng là 3.506.000đ (ba triệu năm trăm lẻ sáu ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0004136 ngày 24/5/2023 tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Trà Ôn.

3. Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Đ về yêu cầu ông Hà Ngọc L có trách nhiệm liên đới với bà Lê Ngọc X trả tiền cho bà Đ.

4. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Án xử công khai sơ thẩm, Tòa án báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng những đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ tại nơi cư trú theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Trà Ôn;
- Chi Cục THADS huyện Trà Ôn;
- Các đương sự;
- Lưu HS; VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

NGUYỄN THÀNH LUÂN